

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/ 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Minh

Bà Đinh Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vương, Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Tuyết, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn Bè, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Hiếu, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị Sóc, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Thanh An, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2025, tại bản tư khai của đương sự ngày 30/3/2025, tại phiên tòa chị Đinh Thị Tuyết trình bày:*

Chị Đinh Thị Tuyết và anh Đinh Văn Bè tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn. Từ năm 2022, chị Tuyết và anh Bè phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị Tuyết và anh Bè đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm giữa chị Tuyết, anh Bè không còn, chị Tuyết yêu cầu được ly hôn với anh Bè.

Về con chung: Giữa chị Tuyết, và anh Bè có hai con chung là Đinh Thị Tô Ky Na, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh Ka, sinh ngày 05/4/2014. Sau khi ly hôn, chị Tuyết trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung. Chị Đinh Thị Tuyết tạm thời chưa yêu cầu anh Đinh Văn Bè cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Tuyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản tư khai của đương sự ngày 28/3/2025, tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Văn Bè trình bày:*

Anh Bè công nhận, giữa anh Bè và chị Tuyết tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn. Từ năm 2022, giữa chị Tuyết và anh Bè phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị Tuyết và anh Bè thường xuyên cãi nhau, anh Bè và chị Tuyết đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm giữa anh Bè, và chị Tuyết không còn nên anh Bè đồng ý ly hôn với chị Tuyết.

Về con chung: Giữa chị Tuyết và anh Bè có hai con chung là Đinh Thị Tô Ky Na, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh Ka, sinh ngày 05/4/2014. Sau khi ly hôn, anh Đinh Văn Bè đồng ý giao con hai chung cho chị Tuyết trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về tài sản chung: Anh Đinh Văn Bè không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa có cơ sở xác định chị Tuyết, anh Bè đã ly thân, hiện nay tình cảm giữa chị Tuyết và anh Bè không còn. Cuộc sống chung của chị Tuyết và anh Bè thường hay xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nay chị Tuyết, anh Bè đã ly thân, phần ai nấy sống, không

ai lo cho ai. Anh Bè đồng ý ly hôn với chị Tuyết. Tuy nhiên, do giữa chị Tuyết và anh Bè không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tuyết và anh Bè theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung, giữa chị Tuyết và anh Bè có 02 con chung. Sau khi ly hôn, chị Tuyết yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Chị Tuyết tạm thời chưa yêu cầu anh Bè cấp dưỡng nuôi con chung là theo sự thỏa thuận của chị Tuyết với anh Bè. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát:*

- Ý kiến về việc trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 9, các điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đinh Thị Tuyết và anh Đinh Văn Bè là vợ chồng; về con chung: Giao hai con chung Đinh Thị Tô Ky Na, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh Ka, sinh ngày 05/4/2014, cho cho chị Đinh Thị Tuyết trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. chị Tuyết không yêu cầu anh Bè cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung chị Tuyết, anh Bè không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét. Về án phí dân sự, miễn cho chị Tuyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm chị Đinh Thị Tuyết khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn Bè thì anh Bè đang cư trú tại thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Minh Long thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Tuyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Đinh Thị Tuyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với bị đơn anh Đinh Văn Bè, anh Bè đồng ý ly hôn

với chị Tuyết nhưng chị Tuyết và anh Bè chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại điều 9 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Đinh Thị Tuyết và bị đơn anh Đinh Văn Bè và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn, bị đơn đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Vào năm 2006, chị Tuyết và anh Bè tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Từ năm 2022, chị Tuyết và anh Bè xảy ra mâu thuẫn, chị Tuyết cho rằng anh Bè thường xuyên nhậu nhẹt rồi chửi mắng vợ con, anh Bè thừa nhận không sống chung từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm, không ai chăm sóc cho ai, tình cảm giữa chị Tuyết và anh Bè không còn nên chị Tuyết yêu cầu được ly hôn với anh Bè, anh Bè cũng đồng ý ly hôn với chị Tuyết nhưng do chị Tuyết và anh Bè chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị Tuyết và anh Bè không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không giải quyết ly hôn cho các đương sự, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tuyết và anh Bè là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị Đinh Thị Tuyết, anh Đinh Văn Bè có hai con chung là: Đinh Thị Tô Ky Na, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh Ka, sinh ngày 05/4/2014. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của các con chung thì các con chung hiện nay do chị Tuyết đang trực tiếp nuôi dưỡng; chị Tuyết, anh Bè thỏa thuận giao hai con chung cho chị Tuyết trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của các con chung, nên căn cứ khoản 1 Điều 14, các điều 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung Đinh Thị Tô Ky Na và Đinh Thị Linh Ka cho chị Đinh Thị Tuyết trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời chị Tuyết chưa yêu cầu anh Bè cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Tuyết và anh Bè tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Đinh Thị Tuyết được miễn án phí dân sự sơ thẩm do chị Tuyết là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1,7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 khoản 1 Điều 51, các điều 53, 81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Tuyết và anh Đinh Văn Bè.

2. Về con chung: Giao hai con chung Đinh Thị Tô Ky Na, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh Ka, sinh ngày 05/4/2014 cho chị Đinh Thị Tuyết trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Đinh Thị Tuyết chưa yêu cầu anh Đinh Văn Bè cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đinh Thị Tuyết được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đinh Thị Tuyết và anh Đinh Văn Bè có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Minh

Đinh Thị Bình

Phạm Văn Rô

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Long;
- Trung tâm TGPL;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS huyện Minh Long;
- UBND xã Long Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Minh

Đinh Thị Bình

Phạm Văn Rô

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/ 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Minh

Bà Đinh Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vương, Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Làng Tr, xã L, huyện M g, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Làng Tr, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người phiên dịch: Bà Đinh Thị S, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Thanh A, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2025, tại bản tự khai của đương sự ngày 30/3/2025, tại phiên tòa chị Đinh Thị T trình bày:*

Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn. Từ năm 2022, chị T và anh B phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị T và anh B đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm giữa chị T, anh B không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Giữa chị T, và anh B có hai con chung là Đinh Thị Tô K, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh K, sinh ngày 05/4/2014. Sau khi ly hôn, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung. Chị Đinh Thị T tạm thời chưa yêu cầu anh Đinh Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đinh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản tự khai của đương sự ngày 28/3/2025, tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Văn B trình bày:*

Anh Bề công nhận, giữa anh B và chị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn. Từ năm 2022, giữa chị T và anh B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị Tt và anh B thường xuyên cãi nhau, anh B và chị T đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm giữa anh B, và chị T không còn nên anh B đồng ý ly hôn với chị

Về con chung: Giữa chị Tt và anh B có hai con chung là Đinh Thị Tô Ky N, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh K, sinh ngày 05/4/2014. Sau khi ly hôn, anh Đinh Văn B đồng ý giao con hai chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về tài sản chung: Anh Đinh Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa có cơ sở xác định chị T, anh B đã ly thân, hiện nay tình cảm giữa chị T và anh B không còn. Cuộc sống chung của chị T và anh B thường hay xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nay chị Tt, anh B đã ly thân, phần ai nấy sống, không ai lo cho ai. Anh B đồng ý ly hôn với chị T. Tuy nhiên, do giữa chị T và anh B không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung, giữa chị T và anh B có 02 con chung. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Chị T tạm thời chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là theo sự thỏa thuận của chị T với anh B. Về tài

sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát:*

- Ý kiến về việc trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 9, các điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn B là vợ chồng; về con chung: Giao hai con chung Đinh Thị Tô Ky N, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh K, sinh ngày 05/4/2014, cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung chị T, anh B không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét. Về án phí dân sự, miễn cho chị T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm chị Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn B thì anh B đang cư trú tại thôn Làng Tr, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Minh Long thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Đinh Thị Tt yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với bị đơn anh Đinh Văn B, anh B đồng ý ly hôn với chị Tuyết nhưng chị T và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại điều 9 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Đinh Thị T và bị đơn anh Đinh Văn B và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn, bị đơn đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Vào năm 2006, chị T và anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Từ năm 2022, chị T và anh B xảy ra mâu thuẫn, chị T cho rằng anh B thường xuyên nhậu nhẹt rồi chửi mắng vợ con, anh B thừa nhận

không sống chung từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm, không ai chăm sóc cho ai, tình cảm giữa chị T và anh B không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị T nhưng do chị T và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị T và anh B không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không giải quyết ly hôn cho các đương sự, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh B là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị Đinh Thị T, anh Đinh Văn B có hai con chung là: Đinh Thị Tô Ky N, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh K, sinh ngày 05/4/2014. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của các con chung thì các con chung hiện nay do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng; chị T, anh B thỏa thuận giao hai con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của các con chung, nên căn cứ khoản 1 Điều 14, các điều 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung Đinh Thị Tô Ky N và Đinh Thị Linh K cho chị Đinh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời chị Tuyết chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Đinh Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm do chị T là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1,7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 khoản 1 Điều 51, các điều 53, 81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn B.

2. Về con chung: Giao hai con chung Đinh Thị Tô Ky N, sinh ngày 17/11/2007 và Đinh Thị Linh K, sinh ngày 05/4/2014 cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Đinh Thị T chưa yêu cầu anh Đinh Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đinh Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Trung tâm TGPL;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô